

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2020
“V/v Tranh chấp về ly hôn và yêu
cầu nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhập

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Hồng Hạnh

Bà Vũ Thị Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Ông Danh Vũ Hải – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 197/2020/TLST-HNGĐ, ngày **26/6/2020** về việc “Tranh chấp về ly hôn và yêu cầu nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2020/ QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1989 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Anh Kha Văn Hai E, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp 4, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 10/4/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc A trình bày:

Vào năm 2009, chị kết hôn cùng với anh Kha Văn Hai E, hôn nhân tự nguyện, gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và sau đó vợ chồng có đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang vào ngày 14/3/2012.

Sau khi cưới, vợ chồng chị chung sống với nhau đầm ấm, hạnh phúc được khoảng 8 năm thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do trong

cuộc sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, có nhiều bất đồng trong cách sống, sinh hoạt nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, mỗi lần chồng chị uống rượu về là chửi bới đánh đập vợ con, chị nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh E không sửa đổi nên vợ chồng đã tự ly thân từ đầu tháng 02/2018 đến nay. Từ khi ly thân đến nay, chị và anh E không có liên lạc với nhau, anh E có về thăm con nhưng anh chị không có nói chuyện và hòa giải được với nhau. Nay, chị nhận thấy vợ chồng không thể nào hàn gắn với nhau được nữa nên yêu cầu được ly hôn.

Quá trình chung sống, vợ chồng chị có 03 con chung tên là: Kha Gia T – sinh ngày 28/6/2011, Kha Gia P – sinh ngày 15/01/2014 và Kha Như Y – sinh ngày 25/10/2017. Hiện nay cháu T và Y đang sống cùng với chị, còn cháu P đang sống cùng anh E và ông bà nội.

Tài sản chung: Có 01 căn nhà cấp 4 tại ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng chị đã tự thỏa thuận với nhau bán căn nhà trên để trả nợ và đã bán nhà trả nợ xong.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa: Về hôn nhân, chị Nguyễn Ngọc A yêu cầu được ly hôn với anh Kha Văn Hai E; Về con chung, chị yêu cầu được tiếp nuôi Kha Gia T và Kha Như Y, chị đồng ý giao Kha Gia P cho anh E nuôi, không bên nào cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung, vợ chồng đã tự thỏa thuận bán nhà để trả nợ xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Kha Văn Hai E không có mặt tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật cho anh E nhưng anh E không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của anh.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về ly hôn và yêu cầu nuôi con chung” là đúng quy định và thuộc thẩm quyền giải quyết. Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các bước tiến hành tố tụng đúng theo quy định, tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng đối với bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, cho chị Nguyễn Ngọc A được ly hôn với anh Kha Văn Hai E; Về con chung: Giao con chung tên Kha Gia T – sinh ngày 28/6/2011 và Kha Như Y – sinh ngày 25/10/2017 cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Kha Gia P – sinh ngày 15/01/2014 cho anh E trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên chị Nguyễn Ngọc A khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Kha Văn Hai E được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (Bộ luật BLTTDS 2015).

Anh Kha Văn Hai E với tư cách là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do lần thứ hai, căn cứ khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh E.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc A và anh Kha Văn Hai E xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2009, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và sau đó có đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 20/2012 quyển số 01/2012 ngày 14/3/2012, theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị Nguyễn Ngọc A được ly hôn với anh Kha Văn Hai E vì lý do bất đồng trong quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và chị còn bị bạo hành gia đình nên vợ chồng đã tự ly thân với nhau từ tháng 02/2018 đến nay. Đối với anh Kha Văn Hai E, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có 02 lần tổng đạt Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để tiến hành mở phiên họp vào ngày 11/8/2020 và ngày 31/8/2020 nhằm tạo điều kiện cho vợ chồng anh chị hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng anh E đều không có mặt nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa, chị A khai rõ trong suốt thời gian ly thân, vợ chồng chị không gặp mặt nhau và không còn liên lạc với nhau nữa, bản thân chị thì không còn tình cảm dành cho chồng và chị A cũng tỏ rõ thái độ cương quyết ly hôn với anh E. HĐXX thấy rằng, trước khi cưới nhau anh chị đã có thời gian tìm hiểu nhau nhưng khi về sống chung một thời gian mới bộc lộ cá tính của mỗi người nên khi xảy ra mâu thuẫn không giải quyết được dẫn đến tranh chấp kéo dài làm cho tình trạng hôn nhân trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị A xác định vợ chồng chị có ba người con chung tên Kha Gia T – sinh ngày 28/6/2011, Kha Gia P – sinh ngày 15/01/2014 và Kha Như Y – sinh ngày 25/10/2017. Hiện nay cháu T và Y đang sống cùng với chị A, còn cháu P đang sống cùng anh E. Chị A yêu cầu được tiếp nuôi Kha Gia T và Kha Như Y và cháu T cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng chị A.

Chị A đồng ý giao Kha Gia P cho anh E nuôi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Đối với anh E, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử anh E đều không có mặt, cũng không có ý kiến và yêu cầu gì đối với yêu cầu được nuôi con chung của chị A nên Hội đồng xét xử không thể xem xét nguyện vọng của anh E.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị A, HĐXX thấy rằng, từ khi ly thân đến nay cháu T và cháu Như Ý do chị A chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu T cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng với chị A, còn cháu P sống với anh E. Các cháu đã có thời gian dài cùng sống chung ổn định với cha mẹ trong thời gian ly thân và các cháu phát triển bình thường như những đứa trẻ khác. Vì vậy, ghi nhận sự tự thỏa thuận phân chia của anh chị giao con chung tên Kha Gia T – sinh ngày 28/6/2011 và Kha Như Ý – sinh ngày 25/10/2017 cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Kha Gia P – sinh ngày 15/01/2014 cho anh E trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo nguyện vọng của anh chị, phù hợp với nguyện vọng của cháu T và phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị A không yêu cầu cấp dưỡng nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Ngọc A xác định anh chị đã tự thỏa thuận về phần tài sản và hiện nay không thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Án phí ly hôn là 300.000đ chị A phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Ngọc A được ly hôn với anh Kha Văn Hai E.

2. Về con chung: Giao con chung tên Kha Gia T – sinh ngày 28/6/2011 và Kha Như Ý – sinh ngày 25/10/2017 cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Kha Gia P – sinh ngày 15/01/2014 cho anh E trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị A và anh E không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con nhưng có quyền tới lui thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh chị thực hiện quyền này.

Khi cần thiết anh chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Ngọc A phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005054, ngày 24/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị A đã nộp xong án phí.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 30/9/2020.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Kim Nhập